

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC
ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 31

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ TP. HỒ CHÍ MINH
Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Thoát nước Đô thị là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 5348/QĐ-UB-KT ngày 02/7/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 103490 ngày 06/01/1998, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lại lần thứ nhất số 0300430412 ngày 04/07/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và lần 06 ngày 04/11/2009.

Ngày 16/8/2010 Công ty Thoát nước Đô thị được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300430412 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/11/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 18/11/2021 của Công ty là 240.327.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tỷ, ba trăm hai mươi bảy triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Ho Chi Minh City Urban Drainage Company Limited.

Tên Công ty viết tắt là: UDC HCMC.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 26/5/2021)
Ông Hoàng Hữu Định Quốc	Chủ tịch (Hết nhiệm kỳ từ ngày 23/3/2021)
Ông Nguyễn Hữu Phán	Thành viên
Ông Bùi Công Viên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Phán	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 03/11/2021)
Ông Lý Thọ Đắc	Phó Giám đốc
Ông Diệp Nguyên Thịnh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính tổng hợp và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ TP. HỒ CHÍ MINH
Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Phán
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Số: 130/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là “ Công ty”), được lập ngày 24/3/2022, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp các khoản công nợ tại ngày 01/01/2021 và ngày 31/12/2021, các thủ tục kiểm toán thay thế khác chưa đem lại cho chúng tôi bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp các khoản công nợ nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản phải thu và phải trả đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp. Cụ thể số dư các khoản công nợ chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp:

Khoản mục	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	38.366.259.685	45.878.805.159
Trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn	19.598.658.076	19.056.964.033
Phải thu khác ngắn hạn	9.213.641.562	53.726.347.648
Phải trả người bán ngắn hạn	16.137.013.144	18.034.690.560
Người mua trả trước ngắn hạn	5.714.587.214	9.840.067.923
Phải trả khác ngắn hạn	10.178.226.288	10.458.587.183

Tại ngày 31/12/2021, số dư công nợ phải thu Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước thành phố Hồ Chí Minh với số dư bên có là 18.407.257.721 VND (tại ngày 01/01/2021 là 18.407.257.721 VND), trong đó phần số dư nợ còn lại phát sinh từ năm 2015, 2016, 2017 và năm 2018 là 36.579.699.025 VND, công nợ còn lại phát sinh từ năm 2014 trở về trước với số dư bên có là 54.986.956.746 VND, chúng tôi chưa có cơ sở để kiểm tra, đối chiếu. Theo đó, với công nợ phát sinh từ năm 2014 trở về trước với số dư bên có 54.986.956.746 VND, chúng tôi chưa có cơ sở để điều chỉnh trên sổ sách cũng như xác định những ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Tại ngày 31/12/2021, số dư công nợ phải thu khác Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước thành phố Hồ Chí Minh là 3.208.154.743 VND (tại ngày 01/01/2021 là 3.208.154.743 VND), đây là số tiền Trung tâm đề nghị Công ty chuyển tiền cho Kho bạc Nhà nước liên quan đến Quyết định số 136/QĐ-TTTP-P7 ngày 25/4/2016 của Thanh tra Thành phố về việc thu hồi tiền lương khi Thanh tra Thành phố thanh tra tại Trung tâm cho giai đoạn năm 2011-2013. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi, đồng thời với các tài liệu hiện có chúng tôi không có cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh số liệu cũng như xác định được những ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty đã trích lập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 34.262.780.723 VND (tại ngày 01/01/2021 là 34.262.780.723 VND). Các khoản công nợ này quá hạn từ những năm trước. Ngoài ra, trong năm 2021, Công ty chưa xem xét trích dự phòng bổ sung đối với các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với số tiền là 21.377.699.895 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản nợ phải thu, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để xác định giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đoạn cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến người đọc một số thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm như sau:

- Tại mục 1.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Ngày 24/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6084/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2021, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.
- Tại thời điểm phát hành báo cáo này, quỹ lương năm 2021 của Công ty đang tạm tính và vẫn chưa được các cơ quan chức năng phê duyệt. Theo đó, quỹ lương năm 2021 sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt quyết toán chính thức.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Lưu Minh Tới

Phó Giám đốc Phụ trách

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số 06/2022/UQCN-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHANH TP. HỒ CHÍ MINH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Đàm Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		282.015.937.540	289.034.777.590
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	116.464.319.169	92.429.894.672
1. Tiền	111		115.464.319.169	85.149.267.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	7.280.627.649
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128.707.376.462	156.260.138.610
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	141.548.862.066	127.913.728.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.154.263.299	4.284.856.406
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	17.267.031.820	58.324.334.225
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(34.262.780.723)	(34.262.780.723)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	29.392.100.171	32.495.151.675
1. Hàng tồn kho	141		29.392.100.171	32.495.151.675
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.452.141.738	2.849.592.633
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	2.452.141.738	2.849.592.633
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		219.775.454.164	211.516.011.968
I Các khoản phải thu dài hạn	210		15.444.394.777	15.444.394.777
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	15.444.394.777	15.444.394.777
II Tài sản cố định	220		189.496.091.424	180.912.369.628
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	133.275.529.944	124.118.911.072
- Nguyên giá	222		431.090.279.251	411.944.067.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(297.814.749.307)	(287.825.156.914)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	56.220.561.480	56.793.458.556
- Nguyên giá	228		61.144.213.624	61.144.213.624
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.923.652.144)	(4.350.755.068)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.014.072.384	8.014.072.384
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	8.014.072.384	8.014.072.384
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		6.820.895.579	7.145.175.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	6.820.895.579	7.145.175.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		501.791.391.704	500.550.789.558

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		168.378.430.494	168.156.083.799
I- Nợ ngắn hạn	310		163.810.625.433	160.087.821.834
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	48.766.449.801	31.477.368.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	24.121.844.935	29.842.135.130
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	10.994.676.010	15.669.732.674
4. Phải trả người lao động	314		58.236.313.245	42.399.829.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.037.318.712	514.923.857
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	10.178.226.288	10.458.587.183
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	5.056.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	-	19.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		10.475.796.442	5.669.244.976
II- Nợ dài hạn	330		4.567.805.061	8.068.261.965
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.18	-	3.792.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		4.567.805.061	4.276.261.965
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		333.412.961.210	332.394.705.759
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	330.610.911.830	329.592.656.379
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		239.393.306.678	239.393.306.678
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		58.504.103.734	58.504.103.734
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.713.501.418	31.695.245.967
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.695.245.967	31.490.582.444
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.018.255.451	204.663.523
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.802.049.380	2.802.049.380
1. Nguồn kinh phí	431	5.20	2.802.049.380	2.802.049.380
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		501.791.391.704	500.550.789.558

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập



Phạm Quốc Long

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Hưng

Giám đốc




Nguyễn Hữu Phan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

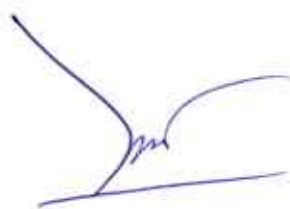
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	597.876.840.834	557.272.070.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		597.876.840.834	557.272.070.422
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	492.545.582.530	452.846.191.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		105.331.258.304	104.425.878.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.856.758.357	2.213.724.241
7. Chi phí tài chính	22	6.4	330.419.595	1.273.454.530
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>330.419.595</i>	<i>1.273.454.530</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	80.054.167.933	80.559.624.588
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		26.803.429.133	24.806.523.832
11. Thu nhập khác	31	6.6	114.695	9.765.521
12. Chi phí khác	32	6.6	84.598.308	856.465.561
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(84.483.613)	(846.700.040)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		26.718.945.520	23.959.823.792
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.360.708.766	4.963.257.871
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		21.358.236.754	18.996.565.921

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Quốc Long



Nguyễn Công Hưng



Nguyễn Hữu Phán

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.718.945.520	23.959.823.792
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	10.562.489.469	12.104.263.836
- Các khoản dự phòng	03	(19.000.000.000)	25.188.665.780
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.856.758.357)	(2.213.724.241)
- Chi phí lãi vay	06	330.419.595	1.273.454.530
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	16.755.096.227	60.312.483.697
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.598.016.543	27.124.271.237
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.103.051.504	(6.866.323.932)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	20.367.180.689	(25.454.697.522)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	324.279.600	829.973.471
- Tiền lãi vay đã trả	14	(330.419.595)	(1.273.454.530)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.963.257.871)	(3.825.797.060)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	51.900.000	3.043.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.733.969.692)	(15.598.900.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.171.877.405	38.291.054.960
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.146.211.265)	(1.598.147.500)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.856.758.357	2.213.724.241
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.289.452.908)	615.576.741
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	5.056.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.848.000.000)	(10.112.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.848.000.000)	(5.056.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	24.034.424.497	33.850.631.701
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	92.429.894.672	58.579.262.971
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	116.464.319.169	92.429.894.672

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập



Phạm Quốc Long

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Hưng

Giám đốc




Nguyễn Hữu Phán

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Thoát nước Đô thị là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 5348/QĐ-UB-KT ngày 02/7/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 103490 ngày 06/01/1998, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lại lần thứ nhất số 0300430412 ngày 04/7/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và lần 06 ngày 04/11/2009.

Ngày 16/8/2010 Công ty Thoát nước Đô thị được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300430412 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 18/11/2021 của Công ty là 240.327.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tỷ, ba trăm hai mươi bảy triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Ho Chi Minh City Urban Drainage Company Limited.

Tên Công ty viết tắt là: UDC HCMC.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 1.398 người (tại ngày 31/12/2020 là 1.496 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước (xây dựng và hoàn thiện). Khảo sát địa hình công trình xây dựng;
- Hoạt động công ích: quản lý, duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước, cửa xả, vớt rác, nạo vét bùn đất kênh rạch;
- Hoạt động kinh doanh khác: xây dựng mới hệ thống thoát nước, xử lý nước thải. Sản xuất, kinh doanh vật tư chuyên ngành. Tư vấn khảo sát thiết kế công trình thoát nước và xử lý nước thải. Kinh doanh địa ốc. Sửa chữa, xây dựng mới mặt đường và vỉa hè. Tư vấn, thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, công trình thoát nước. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường. Xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; rác thải độc hại; xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; tái chế phế liệu từ bùn và chất thải rắn; rác thải độc hại và không độc hại. Sửa chữa máy móc, thiết bị. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Xây dựng các công trình công ích. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là hoạt động công ích, thi công các công trình xây dựng. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty đối với hoạt động công ích là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên trong năm. Đối với thi công các công trình xây dựng, chu kỳ kinh doanh thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, công trình, do đó các công trình có thể kéo dài trong 01 năm hoặc hơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty hoạt động dịch vụ công ích, thi công các công trình xây dựng, nhu cầu của thị trường cũng như các chính sách kích cầu của Nhà nước sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các Công ty cùng ngành đang ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp hạ tầng đô thị cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ngày 24/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6084/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2021, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty 14 chi nhánh, xí nghiệp hạch toán phụ thuộc như sau: Xí nghiệp Xử lý nước thải Bình Hưng Hòa, Xí nghiệp Vận hành hệ thống thoát nước thải Phú Lâm, Xí nghiệp Vận hành bảo dưỡng trạm bơm nước thải Nhiều Lộc – Thị Nghè, Xí nghiệp Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, Chi nhánh Thoát nước số 01, Chi nhánh Thoát nước số 02, Chi nhánh Thoát nước số 03, Chi nhánh Thoát nước số 04, Chi nhánh Thoát nước số 05, Chi nhánh Thoát nước số 06, Chi nhánh Thoát nước Đông Thành phố, Chi nhánh Thoát nước Tây Thành phố, Chi nhánh Thoát nước Nam Thành phố, Chi nhánh Thoát nước Bắc Thành phố.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và sổ dự giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp và hàng hóa bất động sản. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ còn bao gồm giá thành của các nhà thầu phụ và của các xí nghiệp được khoán thi công đã thực hiện hoàn thành nhưng chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy quản lý, phần mềm kế toán, phần mềm tính toán thủy lực và các phần mềm khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 08-10 năm, phần mềm kế toán khấu hao trong 05 năm, các phần mềm khác khấu hao từ 03-10 năm

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (46 năm).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê ngoài: Trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc kế toán vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây lắp không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây lắp đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.276.974.071	234.702.099
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	114.187.345.098	84.914.564.924
Các khoản tương đương tiền (i)	1.000.000.000	7.280.627.649
Tổng	116.464.319.169	92.429.894.672

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Thái Bình có kỳ hạn 3 tháng với lãi suất từ 3,2%/năm.

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 3,2%/năm.

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trung tâm Quản lý Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	78.066.226.396	68.033.144.662
Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh Thành phố Hồ Chí Minh	5.113.979.562	5.113.979.562
Tổng công ty điện lực TP HCM TNHH-Chỉ nhánh		
Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới điện Phân phối TP.HCM	10.659.368.514	3.724.285.526
Các khách hàng khác	47.709.287.594	51.042.318.952
Tổng	141.548.862.066	127.913.728.702

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	4.154.263.299	4.284.856.406
Công ty TNHH xây dựng hạ tầng Thái Long	993.340.148	993.340.148
Các đối tượng còn lại	3.160.923.151	3.291.516.258
b) Dài hạn	15.444.394.777	15.444.394.777
Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling	12.000.000.000	12.000.000.000
Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận Bình Thạnh	1.384.805.575	1.384.805.575
Công ty Cổ phần thiết bị Phụ Tùng	1.197.229.696	1.197.229.696
Các đối tượng còn lại	862.359.506	862.359.506
Tổng	19.598.658.076	19.729.251.183

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Kỹ quỹ ký cược	5.176.472.566	-	44.478.104.081	-
Tạm ứng	7.164.595.015	-	9.218.720.208	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	298.454.303	-	-	-
Phải thu về cổ phần hóa	369.400.000	-	369.400.000	-
Nguyễn Thị Sang (tiền lương chi vượt)	507.324.754	-	507.324.754	-
Nguyễn Trọng Luyện (tiền lương chi vượt)	358.523.166	-	358.523.166	-
Xí nghiệp TNLV Nam				
Thành Phố (tiền ăn trưa chi vượt)	31.787.273	-	31.787.273	-
Liên hiệp Khoa học sản xuất công nghệ hóa học	112.320.000	112.320.000	112.320.000	112.320.000
Công ty TNHH Hồng Lĩnh	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000
Phải thu khác (i)	3.208.154.743	-	3.208.154.743	-
Tổng	17.267.031.820	152.320.000	58.324.334.225	152.320.000

(i) Khoản tiền phạt đã nộp cho Kho bạc Nhà nước do Thanh tra thành phố thanh tra năm 2011-2013 tại Trung tâm điều hành chống ngập.

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	57.258.463.365	22.995.682.642	52.758.765.262	18.495.984.539
Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II	400.000.000	-	400.000.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Sông Hồng tại Tp.HCM	300.000.000	-	300.000.000	-
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	2.482.771.892	-	2.482.771.892	-
Công ty cổ phần kinh doanh nhà Thừa Thiên Huế	1.863.447.290	559.034.187	1.863.447.290	559.034.187
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	1.311.363.878	-	1.311.363.878	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Kỹ thuật Tín Nghĩa	1.074.686.218	-	1.074.686.218	-
Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh Thành phố Hồ Chí Minh	5.113.979.562	-	5.113.979.562	-
Các đối tượng khác	32.712.214.525	22.436.648.455	28.212.516.422	17.936.950.352

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)

<i>Trong đó:</i>	Quá dưới 1 năm	Quá hạn 1-dưới 2 năm	Quá hạn 2-dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling	-	-	-	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II	-	-	-	400.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Sông Hồng tại Tp.HCM	-	-	-	300.000.000
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	-	-	-	2.482.771.892
Công ty cổ phần kinh doanh nhà Thừa Thiên Huế	-	-	-	1.863.447.290
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	-	-	-	1.311.363.878
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Kỹ thuật Tín Nghĩa	-	-	-	1.074.686.218
Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	5.113.979.562
Các đối tượng khác	-	2.723.304.814	854.434.466	29.134.475.245
Tổng	-	2.723.304.814	854.434.466	53.680.724.085

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.814.227.835	-	7.489.805.082	-
Công cụ, dụng cụ	688.653.730	-	750.511.659	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.889.218.606	-	24.254.834.934	-
Tổng	29.392.100.171	-	32.495.151.675	-

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	49.404.209.396	72.200.012.722	222.145.690.560	7.965.899.121	60.228.256.187	411.944.067.986
Tăng trong năm	-	2.163.406.900	16.468.836.365	513.968.000	-	19.146.211.265
Mua trong năm	-	2.163.406.900	16.468.836.365	513.968.000	-	19.146.211.265
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	49.404.209.396	74.363.419.622	238.614.526.925	8.479.867.121	60.228.256.187	431.090.279.251
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	12.587.126.674	66.851.953.566	201.384.513.618	6.376.856.490	624.706.566	287.825.156.914
Tăng trong năm	1.873.885.187	2.242.773.522	5.414.196.784	458.736.900	-	9.989.592.393
Khấu hao trong năm	1.873.885.187	2.242.773.522	5.414.196.784	458.736.900	-	9.989.592.393
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	14.461.011.861	69.094.727.088	206.798.710.402	6.835.593.390	624.706.566	297.814.749.307
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	36.817.082.722	5.348.059.156	20.761.176.942	1.589.042.631	59.603.549.621	124.118.911.072
Tại ngày 31/12/2021	34.943.197.535	5.268.692.534	31.815.816.523	1.644.273.731	59.603.549.621	133.275.529.944

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 239.538.870.951 VND (tại ngày 01/01/2021 là 232.626.199.243 VND).

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định khác tạm tăng theo các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở tài chính. Công ty không thực hiện trích khấu hao. Cụ thể:

Stt	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Giá trị (VND)
1	4815/QĐ-UBND	22/10/07	Dự án "Sản xuất các phay điều tiết nước và van một chiều"	409.232.647
2	4616/QĐ-STC	16/05/11	Dự án "Cải tạo hệ thống thoát nước đường Phạm Thế Hiển - Quận 8 đoạn từ cầu Nhị Thiên Đường đến cầu Mật"	11.390.613.399
3	3042/QĐ-UBND	14/06/11	Dự án "Cải tạo Rạch Cầu Mé quận 11 giải quyết ngập khu vực Minh Phụng - Hàn Hải Nguyên"	16.063.960.127
4	7997/QĐ-STC-ĐTSC	28/07/11	Dự án "Đầu tư Lắp đặt hệ thống thoát nước đường An Dương Vương giải quyết khu vực mũi tàu Phú Lâm quận 6"	20.737.487.689
5	4694/QĐ-STC	28/05/12	Dự án "Đầu tư Giải quyết ngập cho khu vực các đường quận 1 - Cô Giang - Cô Bắc - Nguyễn Khắc Nhu - Nguyễn Cư Trinh - Nguyễn Thái Học - Lê Lai"	9.902.809.872
Tổng				58.504.103.734

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (i)	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2021	54.865.551.124	6.278.662.500	61.144.213.624
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	54.865.551.124	6.278.662.500	61.144.213.624
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2021	-	4.350.755.068	4.350.755.068
Tăng trong năm	-	572.897.076	572.897.076
Khấu hao trong năm	-	572.897.076	572.897.076
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	-	4.923.652.144	4.923.652.144
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	54.865.551.124	1.927.907.432	56.793.458.556
Tại ngày 31/12/2021	54.865.551.124	1.355.010.356	56.220.561.480

(i) Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ số 04 đường Nguyễn Thiện Thuật, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. HCM với diện tích đất là 1.084,4 m², hình thức sử dụng đất là sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất là đất thương mại, dịch vụ (làm văn phòng công ty), thời hạn sử dụng đất lâu dài và nguồn gốc lô đất này là công nhận Quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 685.290.500 VND (tại ngày 01/01/2021 là 685.290.500 VND).

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầu tư bãi đậu xe Bình Mỹ, Củ Chi	7.203.840.270	7.203.840.270
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầu tư bãi đổ bùn Trung An, Củ Chi	526.312.114	526.312.114
Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế thi công và tổng dự toán "Triển khai các giải pháp phần mềm tại Công ty"	283.920.000	283.920.000
Tổng	8.014.072.384	8.014.072.384

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	139.820.280
Chi phí thuê đất (i)	6.820.895.579	7.005.354.899
Tổng	6.820.895.579	7.145.175.179

(i) Tiền thuê đất tại Lô 6, Cụm Công nghiệp Nhị Xuân theo Hợp đồng nguyên tắc số 124/HĐ-TNĐT-QLDA.TN ngày 23/7/2010 đến ngày 09/01/2058 (46 năm) nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Ba An	657.569.024	657.569.024	2.758.151.378	2.758.151.378
Công ty TNHH xây dựng công trình Châu Anh	2.802.475.500	2.802.475.500	2.223.285.350	2.223.285.350
Tổng Công ty Cổ Phần May Việt Tiến	2.524.252.000	2.524.252.000	-	-
Các đối tượng khác	42.782.153.277	42.782.153.277	26.495.932.232	26.495.932.232
Tổng	48.766.449.801	48.766.449.801	31.477.368.960	31.477.368.960

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước Tp. Hồ Chí Minh	18.407.257.721	18.407.257.721
Công ty TNHH Trung Nam BT 1547	2.170.649.000	2.170.649.000
Trung Tâm Quản Lý Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	-	1.197.104.382
Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Mỹ Tho	-	4.317.390.000
Công ty Cổ Phần Hải Đăng	1.000.000.000	-
Các đối tượng khác	2.543.938.214	3.749.734.027
Tổng	24.121.844.935	29.842.135.130

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	15.669.732.674	36.547.806.797	41.222.863.461	10.994.676.010
Thuế GTGT	15.373.520.762	35.695.917.309	40.388.820.238	10.680.617.833
Thuế thu nhập cá nhân	296.211.912	834.889.488	817.043.223	314.058.177
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.000.000	17.000.000	-
Phải thu	2.849.592.633	5.360.708.766	4.963.257.871	2.452.141.738
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.849.592.633	5.360.708.766	4.963.257.871	2.452.141.738

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay	-	60.243.128
Chi phí xây dựng trụ sở văn phòng	454.680.729	454.680.729
Chi phí thuê xe	301.000.000	-
Chi phí khác	281.637.983	-
Tổng	1.037.318.712	514.923.857

5.16 Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	195.914.784	191.610.486
Phải trả theo Biên bản Chi Cục Tài chính năm 2012	-	1.921.327.239
Tiền thuê đất được hoàn	-	1.860.336.000
Công ty TNHH xây dựng hạ tầng Thái Long	2.774.148.059	2.774.148.059
Phải trả cho các Xi nghiệp trực thuộc	3.887.937.746	3.887.937.746
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.320.225.699	176.772.347
Tổng	10.178.226.288	10.458.587.183

5.17 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ lương dự phòng theo Quyết định số 412/QĐ-TNĐT-TCNS ngày 31/12/2020	-	19.000.000.000
Tổng	-	19.000.000.000

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	-	-		5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	3.792.000.000	3.792.000.000	3.792.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	-	-	-	3.792.000.000	3.792.000.000	3.792.000.000
Tổng	-	-	-	8.848.000.000	8.848.000.000	8.848.000.000

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	239.393.306.678	58.504.103.734	31.490.582.444	329.387.992.856
Tăng trong năm	-	-	18.996.565.921	18.996.565.921
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	18.996.565.921	18.996.565.921
Giảm trong năm	-	-	18.791.902.398	18.791.902.398
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	18.524.152.398	18.524.152.398
Quy chuẩn BQL điều hành năm 2020	-	-	267.750.000	267.750.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	239.393.306.678	58.504.103.734	31.695.245.967	329.592.656.379
Số dư tại ngày 01/01/2021	239.393.306.678	58.504.103.734	31.695.245.967	329.592.656.379
Tăng trong năm	-	-	21.358.236.754	21.358.236.754
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	21.358.236.754	21.358.236.754
Giảm trong năm	-	-	20.339.981.303	20.339.981.303
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	20.067.981.303	20.067.981.303
Quy chuẩn BQL điều hành năm 2021(i)	-	-	272.000.000	272.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	239.393.306.678	58.504.103.734	32.713.501.418	330.610.911.830

Đơn vị tính: VND

(i) Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 01/12/2015 và Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 3 tháng lương bình quân thực hiện và trích quỹ thưởng ban điều hành là 1,5 tháng lương bình quân thực hiện. Công ty có trách nhiệm điều chỉnh phù hợp với Quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu.

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Tỷ lệ	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ	Vốn điều lệ (VND)
Ủy Ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	100%	239.393.306.678	100%	239.393.306.678
Tổng	100%	239.393.306.678	100%	239.393.306.678

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và nộp lợi nhuận về Nhà nước

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01/01/2021	239.393.306.678	239.393.306.678
Vốn góp tại ngày 31/12/2021	239.393.306.678	239.393.306.678
Nộp về ngân sách Nhà nước	-	-

5.20 Nguồn kinh phí

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nguồn kinh phí đầu năm	2.802.049.380	2.802.049.380
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	2.802.049.380	2.802.049.380

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu duy tu	551.148.966.067	525.909.111.671
Doanh thu công trình ngoài	46.727.874.767	31.362.958.751
Tổng	597.876.840.834	557.272.070.422

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn duy tu	447.421.226.921	423.796.321.530
Giá vốn công trình ngoài	45.124.355.609	29.049.870.183
Tổng	492.545.582.530	452.846.191.713

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.856.758.357	2.213.724.241
Tổng	1.856.758.357	2.213.724.241

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	330.419.595	1.273.454.530
Tổng	330.419.595	1.273.454.530

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	40.040.147.089	29.001.525.942
Chi phí nhiên liệu, vật liệu quản lý	87.205.240	72.480.340
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	6.217.894.191	3.764.481.461
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.725.865.915	3.437.961.630
Thuế khác, phí và lệ phí	2.485.743.864	3.861.409.927
Chi phí dự phòng	-	6.188.665.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.880.740.280	23.258.223.468
Chi phí bằng tiền khác	12.616.571.354	10.974.876.040
Tổng	80.054.167.933	80.559.624.588

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu hoàn tiền bảo hiểm	-	3.856.000
Bán hồ sơ thầu	-	5.909.521
Các khoản khác	114.695	-
Tổng	114.695	9.765.521
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	84.228.216	777.660.458
Các khoản khác	370.092	78.805.103
Tổng	84.598.308	856.465.561
Lợi nhuận khác	(84.483.613)	846.700.040

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.718.945.520	23.959.823.792
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>84.598.308</i>	<i>856.465.561</i>
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>370.092</i>	<i>167.552.175</i>
<i>Chi phí phạt thuế</i>	<i>84.228.216</i>	<i>688.913.386</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	26.803.543.828	24.816.289.353
Thu nhập chịu thuế suất 20%	26.803.543.828	24.816.289.353
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.360.708.766	4.963.257.871
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	5.360.708.766	4.963.257.871
Thuế TNDN hiện hành	5.360.708.766	4.963.257.871

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.522.092.582	102.808.522.561
Chi phí nhân công	284.149.302.249	283.343.415.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.959.876.766	12.104.263.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.591.461.313	83.129.813.378
Chi phí khác bằng tiền	58.625.049.561	61.014.832.649
Tổng	566.847.782.471	542.400.847.616

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo hợp đồng như sau:

Hợp đồng thuê đất số 1517/HĐ-TNMT ngày 14/3/2014 với Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.716 m² đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê đất hàng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất. Đơn giá thuê đất là 178.200 VND/m²/năm, giá thuê áp dụng trong 5 năm kể từ ngày 15/8/2010, sau đó đơn giá thuê đất sẽ được điều chỉnh từng lần theo thông báo của Sở Tài chính và Cục thuế thành phố. Theo Phụ lục số 4467/PLHĐ-STNMT-QLĐ ngày 10/5/2018, của Cục thuế Tp.HCM, từ ngày 16/8/2015 đến ngày 15/8/2020, đơn giá thuê đất điều chỉnh là 842.688 VND/m²/năm.

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24,
quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của nhân sự chủ chốt:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2021 (VND)</u>	<u>Năm 2020 (VND)</u>
Thu nhập Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thu nhập lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác	2.067.000.000	2.160.410.000

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Quốc Long



Nguyễn Công Hưng

Nguyễn Hữu Phán